

HỌC VIỆN NGÂN HÀNG
KHOA LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ



TIỂU LUẬN KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học phần: Kinh tế chính trị

ĐỀ TÀI: Phân tích tính tất yếu của hội nhập kinh tế quốc tế và những tác động của hội nhập kinh tế quốc tế đối với Việt Nam. Trong giai đoạn hiện nay, Việt Nam cần làm gì để hòa nhập mà không hòa tan vào nền kinh tế thế giới

Giảng viên hướng dẫn : Phạm Thanh Hiền
Sinh viên thực hiện : Nguyễn Thị Diễm Quỳnh
Lớp : K23ATCC
Mã sinh viên : 23A7510116

Hà nội, ngày 11 tháng 6 năm 2021

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	2
1.Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2.Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	1
3.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	2
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu	2
5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn	2
NỘI DUNG.....	3
CHƯƠNG 1: TÍNH TẤT YẾU CỦA HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ ĐỐI VỚI VIỆT NAM	3
1.1.Tính tất yếu của hội nhập kinh tế quốc tế.....	3
1.2.Tác động của hội nhập KTQT đến phát triển của Việt Nam.....	6
CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM.....	9
2.1. Thành tựu của hội nhập kinh tế quốc tế đối với Việt Nam	9
2.2.Hạn chế của hội nhập kinh tế quốc tế	12
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO KẾT QUẢ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ.....	15
3.1.Giải pháp nâng cao hiệu quả hội nhập KTQT	15
3.2.Giải pháp để Việt Nam hòa nhập mà không hòa tan vào kinh tế thế giới	17
3.3. Quan điểm cá nhân	18
KẾT LUẬN	19
TÀI LIỆU THAM KHẢO	20

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Toàn cầu hóa kinh tế là một xu thế tất yếu trong thời đại ngày nay, là sự gia tăng nhanh chóng các hoạt động kinh tế vượt qua mọi biên giới quốc gia, khu vực. Do xu thế khách quan trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế, hội nhập KTQT chính là một đòi hỏi khách quan.

Hội nhập kinh tế quốc tế là một khái niệm ngày càng phổ biến hiện nay. Hội nhập quốc tế của một nền kinh tế chính là sự mở cửa của một quốc gia cho phép giao lưu qua lại giữa các hoạt động của nền kinh tế đó và các nền kinh tế khác trên thế giới. Hội nhập là một quá trình tất yếu, đặc biệt là đối với Việt Nam. Việt Nam vừa trải qua nhiều cuộc chiến tranh tàn khốc, nền kinh tế còn lạc hậu kém phát triển nên hội nhập là tất yếu. Hội nhập kinh tế quốc tế đã mang lại cho Việt Nam rất nhiều thành tựu như tăng khả năng thu hút vốn, mở rộng thị trường, tham gia nhiều Hiệp định thương mại,... Bên cạnh đó, hội nhập KTQT còn mang lại cho Việt Nam nhiều tác động tiêu cực. Đảng và Nhà nước đặt hội nhập KTQT là mục tiêu quan trọng hàng đầu, đề ra nhiều chủ trương, đường lối để giúp nền kinh tế phát triển. Chính vì thế đây là một đề tài cấp thiết cần được quan tâm.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu: làm rõ tính tất yếu của hội nhập KTQT và những tác động của hội nhập KTQT với Việt Nam. Từ đó tìm ra giải pháp để nền kinh tế Việt Nam hòa nhập mà không hòa tan vào nền kinh tế thế giới.

Để đạt được mục đích trên, tiểu luận cần tập trung giải quyết các luận nhiệm vụ sau:

Tìm hiểu tình tất yếu của hội nhập KTQT và những tác động của nó với Việt Nam.

Phân tích, đánh giá để đưa ra kết luận về việc Việt Nam cần làm gì để hòa nhập mà không hòa tan vào nền kinh tế thế giới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: tính tất yếu của hội nhập KTQT và những tác động của nó đối với Việt Nam, giải pháp để nền kinh tế Việt Nam hòa nhập mà không hòa tan vào kinh tế thế giới.

Phạm vi nghiên cứu: hội nhập kinh tế quốc tế từ khi xuất hiện cho đến nay ở Việt Nam.

4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

Cơ sở lý luận của tiểu luận là: những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin; các chính sách của Nhà nước về hội nhập KTQT.

Phương pháp nghiên cứu: tiểu luận sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Ngoài ra, tiểu luận còn sử dụng một số phương pháp cụ thể như: phân tích – tổng hợp; quy nạp và diễn dịch; lịch sử - logic; thống kê; đối chiếu; so sánh.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn

Hệ thống hóa và làm sáng tỏ nội dung cốt lõi của tính tất yếu và những tác động của hội nhập KTQT, cho thấy được sự quan trọng và tính nền tảng của nó trong việc tìm ra giải pháp để nền kinh tế Việt Nam hòa nhập mà không hòa tan vào kinh tế thế giới.

Tiểu luận có thể làm tài liệu tham khảo cho việc học tập, nghiên cứu và cho những ai quan tâm đến các vấn đề về kinh tế thị trường và việc giải quyết hài hòa các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam hiện nay.

NỘI DUNG

CHƯƠNG 1: TÍNH TẤT YẾU CỦA HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ VÀ NHỮNG TÁC ĐỘNG CỦA HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ ĐỐI VỚI VIỆT NAM

1.1. Tính tất yếu của hội nhập kinh tế quốc tế

1.1.1. Khái niệm và nội dung hội nhập KTQT

Khái niệm và sự cần thiết khách quan của hội nhập KTQT

Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình gắn kết, liên kết nền kinh tế của mỗi quốc gia, khu vực và vùng lãnh thổ thông qua các tổ chức hợp tác quốc tế nhằm chia sẻ lợi ích và nguồn lực. Trong đó, mỗi quan hệ giữa các thành viên có sự ràng buộc, yêu cầu phải tuân thủ các chuẩn mực quốc tế chung.

Tính tất yếu khách quan của hội nhập KTQT:

Thứ nhất, do xu thế khách quan trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế

Trong lịch sử nhân loại, toàn cầu hóa là một xu hướng phát triển tất yếu, mà trước hết là tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế đang diễn ra sôi động. Toàn cầu hóa dùng để miêu tả các thay đổi trong nền kinh tế thế giới và trong xã hội, được hình thành bởi mối liên kết và trao đổi ngày càng tăng giữa các quốc gia, các tổ chức ở nhiều góc độ trên quy mô toàn cầu. Toàn cầu hóa diễn ra trên nhiều phương diện như xã hội, văn hóa, chính trị, kinh tế,... Trong đó, toàn cầu hóa kinh tế là xu thế nổi bật nhất, vừa là cơ sở, trung tâm, vừa là động lực thúc đẩy toàn cầu hóa ở các lĩnh vực khác. Toàn cầu hóa kinh tế là sự gia tăng nhanh chóng các hoạt động kinh tế vượt qua mọi biên giới quốc gia, khu vực. Mục đích là khiến cho các nền kinh tế phụ thuộc lẫn nhau trong sự vận động và phát triển để hướng tới một nền kinh tế thống nhất.

Cạnh đó, toàn cầu hóa cũng đi liền với khu vực hóa. Khu vực hóa kinh tế chỉ diễn ra trong một không gian địa lý nhất định dưới nhiều hình thức như thị trường chung, đồng minh kinh tế, đồng minh tiền tệ, liên minh thuế quan,... Mục

đích là hỗ trợ lẫn nhau, cùng hợp tác, phát triển, từng bước xóa bỏ những cản trở trong việc di chuyển vốn, hàng hóa dịch vụ,... Tất cả đều hướng tới tự do hóa hoàn toàn những di chuyển nói trên giữa các nước thành viên trong khu vực.

Toàn cầu hóa kinh tế lôi cuốn tất cả các nước vào hệ thống phân công lao động quốc tế, các mối liên hệ quốc tế của sản xuất và trao đổi ngày càng tăng, làm nền kinh tế của các nước ngày càng gắn chặt vào nền kinh tế toàn cầu, hình thành các mối quan hệ vừa lệ thuộc vừa tương tác lẫn nhau trong một chỉnh thể. Trong toàn cầu hóa kinh tế, các yếu tố sản xuất được lưu thông trên toàn cầu. Nếu không hội nhập kinh tế quốc tế, các nước không thể tự đảm bảo được các điều kiện để tự sản xuất trong nước. Vì vậy, hội nhập KTQT giúp các nước tự đảm bảo được các điều kiện cần thiết cho sản xuất trong nước, giải quyết được các vấn đề toàn cầu; tận dụng được các thành tựu của CMCN để biến nó thành động lực cho sự phát triển.

Thứ hai, hội nhập KTQT là phương thức phát triển chủ yếu và phổ biến của các nước, nhất là các nước kém và đang phát triển trong điều kiện hiện nay

Đối với các nước đang và kém phát triển, đây là con đường có thể giúp tận dụng thời cơ để rút ngắn khoảng cách với các nước phát triển trong khu vực và trên thế giới, thu hẹp và khắc phục nguy cơ tụt hậu.

Hội nhập KTQT còn là cơ hội để tiếp cận, học hỏi và sử dụng được các nguồn lực bên ngoài như khoa học công nghệ, tài chính, kinh nghiệm của các nước phát triển để áp dụng cho nước mình. Chỉ có phát triển kinh tế, mở cửa và hội nhập quốc tế mới giúp các nước kém và đang phát triển tiếp cận được những nguồn lực giúp cho sự phát triển của mình.

1.1.2. Nội dung hội nhập KTQT

Thứ nhất, chuẩn bị các điều kiện để thực hiện hội nhập thành công

Hội nhập là điều tất yếu nhưng không phải là bằng mọi giá đối với Việt Nam. Ở Việt Nam, quá trình hội nhập phải được cân nhắc, xem xét và nghiên

cứu kỹ lưỡng với lộ trình và cách thức phù hợp và tối ưu nhất, đòi hỏi phải có sự chuẩn bị các điều kiện trong nội bộ nền kinh tế cũng như các mối quan hệ quốc tế thích hợp.

Thứ hai, thực hiện đa dạng các hình thức, các mức độ hội nhập kinh tế quốc tế

Hội nhập KTQT có thể diễn ra theo nhiều mức độ, có thể là nông hay sâu phụ thuộc vào mức độ tham gia của một nước vào các hoạt động kinh tế đối ngoại, các tổ chức kinh tế quốc tế hay khu vực. Do vậy, tiến trình hội nhập KTQT được chia thành các mức độ từ thấp đến cao là: thỏa thuận thương mại ưu đãi (PTA), khu vực mậu dịch tự do (FTA), liên minh thuế quan (CU) , thị trường chung, liên minh kinh tế- tiền tệ,...

Hội nhập kinh tế quốc tế là tất cả các hoạt động về kinh tế đối ngoại của một nước bao gồm nhiều hình thức đa dạng như ngoại thương, hợp tác hay đầu tư quốc tế, dịch vụ thu ngoại tệ,...

Ngoại thương (thương mại quốc tế): hình thức truyền thống lâu đời giữa các quốc gia về sự trao đổi hàng hóa dịch vụ thông qua hoạt động xuất nhập khẩu.

Hợp tác về sản xuất kinh doanh và khoa học công nghệ: các nước cùng hợp tác để cùng nhau tiến hành nghiên cứu, sáng minh các thiết kế thí nghiệm và trao đổi các kết quả nghiên cứu. Thông qua nghiên cứu và trao đổi, áp dụng thành tựu thu được vào sản xuất. Hình thức này khiến cơ cấu kinh tế ngành của các nước thành viện phụ thuộc lẫn nhau.

Đầu tư quốc tế: là hình thức cơ bản của KTQT, là quá trình kinh doanh trong đó vốn đầu tư sẽ được di chuyển giữa các quốc gia để sinh lời. Đầu tư quốc tế diễn ra theo hai hình thức là đầu tư trực tiếp và đầu tư gián tiếp.

Xuất khẩu lao động và các hình thức dịch vụ thu ngoại tệ du lịch quốc tế:

Du lịch quốc tế: là hình thức du lịch mà ở đó du khách đi du lịch ở những địa điểm thuộc về lãnh thổ của các quốc gia khác nhau.

Xuất khẩu lao động ra nước ngoài và tại chỗ: mang lại nhiều lợi ích cho quốc gia.

Vận tải quốc tế: là hình thức chuyên chở hành khách và hàng hóa qua lại giữa các nước với phương thức đường bộ, đường sắt, đường biển,...

Các hoạt động thu ngoại tệ: ăn uống, tư vấn,...

Tín dụng quốc tế: là hình thức vay hoặc cho vay giữa các chủ thể kinh doanh ở các quốc gia khác nhau, chủ yếu do ngân hàng thế giới và ngân hàng khu vực tiến hành.

1.2.Tác động của hội nhập KTQT đến phát triển của Việt Nam

1.2.1.Tác động tích cực của hội nhập KTQT

Hội nhập kinh tế quốc tế đã mở ra rất nhiều cơ hội và lợi ích to lớn cho sự phát triển của các nước và những lợi ích kinh tế khác nhau cho cả người sản xuất và tiêu dùng.

Bản chất của hội nhập KTQT là mở rộng thị trường để thương mại phát triển, tạo điều kiện cho sản xuất trong nước, tận dụng các lợi thế kinh tế của nước ta để phục vụ cho các mục tiêu tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững và chuyển đổi mô hình tăng trưởng sang chiều sâu với hiệu quả cao.

Hội nhập KTQT giúp nâng cao trình độ của nguồn nhân lực và tiềm lực khoa học công nghệ quốc gia. Nhờ việc đẩy mạnh hợp tác giáo dục- đào tạo và nghiên cứu khoa học với các nước mà khả năng hấp thụ khoa học công nghệ hiện đại được nâng cao. Việc tiếp thu công nghệ mới thông qua đầu tư trực tiếp từ nước ngoài và chuyển giao công nghệ đã giúp nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế.

Tham gia hội nhập KTQT khiến các doanh nghiệp trong nước có thêm nhiều cơ hội tiếp cận với thị trường quốc tế, các đối tác quốc tế và nguồn tín dụng. Việc này giúp cho các doanh nghiệp có thể thay đổi công nghệ sản xuất sang hiện đại hơn, tiếp cận với phương thức quản trị phát triển nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế.

Hội nhập kinh tế quốc tế tạo động lực thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu theo hướng hợp lý, hiện đại và hiệu quả. Do đó hình thành các lĩnh vực kinh tế mũi nhọn để nâng cao hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, của các sản phẩm và doanh nghiệp trong nước; môi trường đầu tư kinh doanh được cải thiện, đa dạng, phong phú và hấp dẫn giúp tăng khả năng thu hút khoa học công nghệ hiện đại và đầu tư bên ngoài vào nền kinh tế.

Tạo cơ hội để cải thiện tiêu dùng trong nước, mỗi người dân được tiêu dùng các sản phẩm hàng hóa, dịch vụ đa dạng từ mẫu mã, chủng loại, số lượng đến chất lượng với giá cả cạnh tranh. Ngoài ra, hội nhập còn giúp người dân giao lưu nhiều hơn với thế giới bên ngoài, tăng cơ hội tìm kiếm việc làm hay xuất khẩu lao động ở trong nước, ngoài nước.

Hội nhập kinh tế quốc tế tạo điều kiện để các nhà hoạch định chính sách nắm bắt tốt hơn xu thế và tình hình phát triển của thế giới, từ đó nghiên cứu, xây dựng và điều chỉnh chiến lược phát triển hợp lý, đề ra những chính sách phát triển phù hợp với đất nước.

Là tiền đề cho hội nhập văn hóa. Thông qua hội nhập, có thể tiếp thu một cách chọn lọc những giá trị tinh hoa của các nền văn hóa đặc sắc trên thế giới, bổ sung những giá trị, tiến bộ của nền văn hóa, văn minh nhân loại làm giàu thêm, đa dạng thêm văn hóa dân tộc và thúc đẩy tiến bộ xã hội.

Hội nhập KTQT còn tác động mạnh mẽ đến hội nhập chính trị, tạo điều kiện cho cải cách toàn diện hướng tới xây dựng một nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng một xã hội mở, dân chủ, văn minh.

Hội nhập giúp đảm bảo an ninh quốc gia, duy trì hòa bình, ổn định ở khu vực và quốc tế để tập trung cho phát triển kinh tế xã hội. Đồng thời, hội nhập còn mở ra khả năng phối hợp các nỗ lực và nguồn lực của các nước để giải quyết nhiều vấn đề bức thiết được quan tâm ở các nước như biến đổi khí hậu, môi trường, phòng chống tội phạm hay buôn lậu quốc tế.

Ngoài ra, hội nhập KTQT còn tạo điều kiện để mỗi nước tìm cho mình một vị trí thích hợp trong trật tự quốc tế. Từ đó nâng cao vai trò, uy tín, tiếng nói và vị thế quốc tế của nước ta trong các tổ chức kinh tế, chính trị toàn cầu.

1.2.2. Tác động tiêu cực của hội nhập kinh tế quốc tế

Bên cạnh những tác động tích cực mà hội nhập kinh tế mang lại, nó còn đưa ra rất nhiều bất lợi, rủi ro, nguy cơ và thách thức đối với các nước.

Hội nhập kinh tế quốc tế đã làm cho cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn, khiến nhiều doanh nghiệp và ngành kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn, trở ngại trong phát triển. Thậm chí, đã có nhiều doanh nghiệp phải phá sản, gây ra nhiều hậu quả bất lợi về mặt kinh tế- xã hội.

Hội nhập kinh tế quốc tế có thể dẫn đến việc phân phối không công bằng rủi ro và lợi ích cho các nước và các nhóm khác nhau trong xã hội. Điều đó dẫn đến nguy cơ làm tăng khoảng cách giàu nghèo ngày càng rõ rệt, gây bất bình đẳng xã hội.

Các nước đang phát triển như Việt Nam đang phải đối mặt với nguy cơ chuyển dịch cơ cấu kinh tế tự nhiên bất lợi, do thiên hướng là tập trung vào các ngành sử dụng nhiều tài nguyên, nhiều sức lao động nhưng giá trị gia tăng lại thấp, có vị trí bất lợi và thua thiệt trong chuỗi giá trị toàn cầu. Vì vậy, các nước đang phát triển dễ trở thành bãi thải công nghiệp và công nghệ thấp, bị cạn kiệt nguồn tài nguyên thiên nhiên và hủy hoại môi trường ở mức độ cao.

Trong quá trình hội nhập, có thể tạo ra một số thách thức đối với quyền lực Nhà nước, với chủ quyền quốc gia và dân tộc. Bên cạnh đó cũng phát sinh

thêm nhiều vấn đề phức tạp đối với việc duy trì an ninh, ổn định trật tự và an toàn xã hội.

Hội nhập có thể làm cho sự phụ thuộc của nền kinh tế quốc gia vào thị trường nước ngoài ngày càng gia tăng, khiến cho nền kinh tế dễ bị tổn thương trước những rủi ro, biến động khôn lường về kinh tế, chính trị và thị trường quốc tế.

Tình trạng khủng bố quốc tế, buôn lậu, tội phạm xuyên quốc gia, nhập cư bất hợp pháp, dịch bệnh,... có nguy cơ gia tăng do hội nhập KTQT.

Bản sắc dân tộc và văn hóa truyền thống Việt Nam đang đứng trước nguy cơ bị xói mòn, bị phai nhạt. Trong bối cảnh hiện nay, sự gia nhập của văn hóa nước ngoài đã gây ảnh hưởng đến văn hóa truyền thống.

Như vậy, không chỉ đem đến những thuận lợi cho sự phát triển kinh tế, hội nhập kinh tế quốc tế còn mang đến những nguy cơ to lớn mà hậu quả của chúng rất khó lường. Do đó, cần tranh thủ, nắm bắt thời cơ để vượt qua thách thức trong hội nhập kinh tế là vấn đề cần phải đặc biệt coi trọng.

CHƯƠNG 2: THỰC TRẠNG HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ Ở VIỆT NAM

2.1. Thành tựu của hội nhập kinh tế quốc tế đối với Việt Nam

Sau nhiều năm tham gia hội nhập kinh tế quốc tế, thực hiện chủ trương và chính sách nhất quán của Đảng trong chính sách đối ngoại và hội nhập quốc tế, Việt Nam đã và đang đạt được nhiều thành tựu nhất định, đóng góp vào sự phát triển của kinh tế- xã hội của đất nước. Những thành tựu ấy có ý nghĩa lịch sử, là tiền đề và động lực để Việt Nam tiếp tục vững bước trên con đường hội nhập kinh tế quốc tế, bước vào giai đoạn hội nhập sâu sắc và toàn diện hơn.

Thứ nhất, hội nhập đã giúp Việt Nam phá thế bao vây, cấm vận, duy trì hòa bình ổn định và nâng cao vị thế trên trường quốc tế. Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước, vùng lãnh thổ và là thành viên của

nhiều tổ chức quốc tế trong khu vực và trên thế giới. Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với 189 nước, mở rộng quan hệ thương mại, xuất khẩu hàng hóa tới trên 230 thị trường của các nước, và vùng lãnh thổ, ký kết trên 90 Hiệp định thương mại song phương, gần 60 Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư, 54 Hiệp định chống đánh thuế hai lần và nhiều Hiệp định hợp tác về văn hoá song phương với các nước và các tổ chức quốc tế. Việt Nam đã thể hiện trách nhiệm và hoàn thành nhiệm vụ của mình, được các bạn bè quốc tế đánh giá cao.

Tháng 5/2015, Việt Nam đã ký Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á-Âu; tháng 11/2020 Hiệp định Đối tác kinh tế toàn diện khu vực (RCEP) được ký kết; tháng 12/2020, Hiệp định thương mại tự do Việt Nam- Vương quốc Anh cũng được ký,...

Thứ hai, hội nhập KTQT mở ra một không gian phát triển mới cho nền kinh tế của Việt Nam, tận dụng được môi trường quốc tế thuận lợi để tập trung phát triển kinh tế. Việc Việt Nam tham gia nhiều tổ chức khu vực và thế giới, nhiều Hiệp định Thương mại tự do (FTA), mở rộng quan hệ kinh tế song phương với hàng loạt quốc gia đã giúp Việt Nam vượt qua được tình trạng khủng hoảng thị trường do các đối tác truyền thống ở Liên Xô và các nước Đông Âu bị thu hẹp đột ngột và do tác động tiêu cực từ cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ khu vực bắt đầu từ năm 1997.

Từ một nước nghèo, lạc hậu trong khủng hoảng kinh tế- xã hội, Việt Nam đã trở thành một nước có thu nhập trung bình thấp, từ một nước nhận viện trợ là chủ yếu sang đối tác hợp tác phát triển. Trong thời kỳ chiến lược 2011-2020, quy mô GDP tăng gấp 2,4 lần, từ 116 tỷ USD năm 2010 lên 268,4 tỷ USD vào năm 2020. GDP bình quân đầu người tăng từ 1.331 USD năm 2010 lên khoảng 2.750 USD năm 2020.

Thứ ba, hội nhập giúp thu hút vốn đầu tư nước ngoài, viện trợ phát triển chính thức và giải quyết vấn đề nợ quốc tế. Tham gia hội nhập KTQT là cơ hội

đề thị trường nước ta được mở rộng, đa dạng và hấp dẫn hơn; từ đó thu hút vốn đầu tư nước ngoài. Tính đến tháng 12/2020, theo lĩnh vực đầu tư, các doanh nghiệp FDI đã đầu tư vào 19/21 ngành trong hệ thống phân ngành kinh tế quốc dân, trong đó lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm tỷ trọng cao nhất với khoảng 58% tổng vốn đầu tư; tiếp theo là các lĩnh vực kinh doanh bất động sản (chiếm 16%); và sản xuất, phân phối điện (hơn 7%).

Về viện trợ phát triển ODA, Tính đến năm 2019, Việt Nam đã tiếp nhận trên 85 tỷ USD vốn ODA và vốn vay ưu đãi. Trong đó, 7 tỷ USD là vốn viện trợ không hoàn lại (chiếm 8% tổng vốn ODA và vốn vay ưu đãi), trên 70 tỷ USD là vốn vay với lãi suất dưới 2% (tương đương 90% tổng vốn ODA và vốn vay ưu đãi) và 1,7 tỷ USD vốn vay kém ưu đãi nhưng lãi suất vẫn thấp hơn vốn vay thương mại (chiếm 2%).

Hội nhập KTQT góp phần giải quyết tốt nợ xấu ở Việt Nam. Trong những năm qua, nhờ phát triển tốt mối quan hệ đối ngoại song phương và đa phương, các khoản nợ nước ngoài cũ của Việt Nam cơ bản đã được giải quyết. Điều đó góp phần ổn định cán cân thu chi ngân sách, tập trung nguồn lực cho các chương trình phát triển kinh tế xã hội trong nước.

Thứ tư, thông qua hội nhập với các nước trong khu vực và trên thế giới, Việt Nam đã tiếp thu được nhiều thành tựu khoa học, công nghệ và cách quản lý tiên tiến trên nhiều lĩnh vực. Trong quá trình tham gia hội nhập, Việt Nam học hỏi được các kỹ thuật, công nghệ tiên tiến của các nước đi trước để đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thông qua hội nhập, nước ta có cơ hội để tiếp cận, lựa chọn các kỹ thuật tiên tiến phù hợp với Việt Nam để áp dụng vào sản xuất.

Hội nhập cũng góp phần không nhỏ vào công tác đào tạo và phát triển đội ngũ cán bộ trong nhiều lĩnh vực. Phần lớn cán bộ đều được đào tạo ở trong nước và ngoài nước, giúp cho không chỉ cán bộ mà người lao động nâng cao trình độ, tay nghề.

Thứ năm, hội nhập giúp mở rộng thị trường xuất khẩu của Việt Nam. Khi tham gia hội nhập KTQT, Việt Nam được hưởng hàng loạt ưu đãi về thuế quan, xóa bỏ hàng rào phi thuế quan và các chế độ đãi ngộ khác nhau đã tạo điều kiện cho hàng hóa Việt Nam thâm nhập thị trường quốc tế.

Có thể nói, các hiệp định thương mại tự do đã và đang mở rộng cánh cửa thị trường cho hàng xuất khẩu của Việt Nam, là cơ hội để Việt Nam kết nối và tham gia sâu hơn vào chuỗi giá trị và mạng lưới sản xuất toàn cầu. Đặc biệt, trong bối cảnh dịch Covid-19, các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như CPTPP, UKVFTA, EVFTA đã trở thành “liều thuốc” tiếp sức cho kinh tế Việt Nam phục hồi sau đại dịch. Với thị trường EU, nếu như trong 3 quý đầu năm 2020, xuất khẩu sang thị trường này chỉ đạt 29,44 tỷ USD giảm 4,7% so với cùng kỳ năm 2019. Tuy nhiên, sau 3 tháng thực thi Hiệp định EVFTA, xuất khẩu sang thị trường EU đạt khoảng 11,08 tỷ USD, tăng khoảng 5% so với cùng kỳ năm 2019. Tính đến hết năm 2020, xuất khẩu sang thị trường EU đạt 40,05 tỷ USD.

2.2.Hạn chế của hội nhập kinh tế quốc tế

Hội nhập KTQT đã mang lại cho nước ta nhiều thành tựu to lớn. Song bên cạnh những kết quả đạt được, hội nhập còn mang đến nhiều hạn chế và bất cập, những rủi ro biến động khó lường.

Hội nhập kinh tế quốc tế đã góp phần làm bộc lộ những yếu kém cơ bản của nền kinh tế. Cân đối vĩ mô và các cân đối lớn của nền kinh tế chưa vững chắc; Cơ cấu kinh tế và chất lượng tăng trưởng vẫn chưa được cải thiện về căn bản. Trong thời gian qua, tăng trưởng chủ yếu dựa vào tín dụng, lao động giá rẻ mà thiếu sự đóng góp của việc gia tăng năng suất lao động hay trí thức, công nghệ. Môi trường đầu tư kinh doanh và năng lực cạnh tranh chậm được cải thiện; Thủ tục hành chính còn nhiều vướng mắc; Tình hình sản xuất, kinh doanh còn nhiều khó khăn; Số lượng DN giải thể, ngừng hoạt động lớn. Theo số liệu mới nhất từ Tổng cục thống kê, Bộ kế hoạch và đầu tư năm 2020 có tổng cộng

101,7 nghìn doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn, ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể và hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 13,9% so với năm trước. Ngoài ra, năng lực tài chính, quản trị của phần lớn doanh nghiệp trong nước còn hạn chế...

Chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước về hội nhập kinh tế quốc tế có nơi, có lúc chưa được quán triệt kịp thời, đầy đủ và thực hiện quyết liệt. Một số bộ, ban, ngành và địa phương còn chưa chú trọng đến khâu phối hợp và tham vấn với các chương trình hành động về hội nhập. Chính vì vậy, việc triển khai công tác hội nhập KTQT chưa đạt được kết quả như mong muốn, ảnh hưởng nghiêm trọng đến kinh tế- xã hội.

Chiến lược hội nhập kinh tế chưa toàn diện, chưa phù hợp với điều kiện đất nước dẫn đến chưa tận dụng được hết ưu điểm của HNKQT để thực hiện các mục tiêu phát triển KT-XH đất nước. Công tác chuẩn bị cho hội nhập chưa đủ tốt, chủ trương được chậm cụ thể hóa dẫn đến việc bị thụ động, các doanh nghiệp chưa nhận thức hết tính cấp thiết và lợi ích của hội nhập đối với hoạt động kinh doanh của mình.

Việc phối hợp hội nhập KTQT với hội nhập trong các lĩnh vực khác chưa chặt chẽ để hạn chế rủi ro và phát huy mọi ưu điểm. Bên cạnh đó chưa tạo được sự đan xen chặt chẽ lợi ích chiến lược lâu dài với các đối tác, đặc biệt các đối tác quan trọng. Hợp tác quốc tế về quốc phòng, an ninh chưa được phát huy, hợp tác quốc tế về văn hóa, xã hội và một số lĩnh vực khác chưa sâu rộng, thiếu chủ động, sáng tạo.

Hiệu quả đầu tư chưa cao như mục tiêu đề ra, chậm đổi mới chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài FDI. Việc thu hút FDI khiến số lượng các dự án tăng nhanh, nhưng chất lượng và công nghệ chưa đảm bảo để thực hiện. Tốc độ lan tỏa về công nghệ, kỹ năng của khu vực FDI ở Việt Nam còn khá yếu. Bên cạnh đó việc giải ngân nguồn vốn ODA còn chậm, ở một số bộ, địa phương không kịp giải ngân theo tiến độ được giao, làm chậm trễ các dự án lớn. Từ đó dẫn đến

nguy cơ làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến sự phát triển của kinh tế xã hội. Nhiều Bộ, ngành đã phải đề nghị xin được điều chuyển hoặc hoàn trả lại số vốn nước ngoài.

Nền kinh tế còn tồn tại tình trạng sản xuất mang tính tự phát, chưa bám sát nhu cầu thị trường, chưa tạo ra các thương hiệu uy tín trên thị trường quốc tế. Nhiều sản phẩm làm ra chất lượng thấp, bao bì, mẫu mã ko đẹp nhưng giá thành lại cao nên giá trị gia tăng thấp, khả năng tiêu thụ sản phẩm gặp khó khăn. Năng lực cạnh tranh hàng hóa, dịch vụ của nước ta còn thấp do dây chuyền sản xuất, công nghệ của nhiều doanh nghiệp còn lạc hậu. Đặc biệt sau khi ký kết nhiều Hiệp định thương mại tự do, sự xuất hiện của nhiều hàng hóa quốc tế sẽ khiến cho hàng hóa Việt Nam khó cạnh tranh.

Năng lực cạnh tranh của các doanh nghiệp, các sản phẩm chủ lực còn yếu kém, phải chịu sức ép cạnh tranh với các doanh nghiệp và sản phẩm nước ngoài ngay trên thị trường nội địa. Hiệp định thương mại tự do FTA được ký kết không chỉ mở ra cơ hội với các doanh nghiệp Việt Nam mà còn đối với doanh nghiệp nước ngoài. Doanh nghiệp Việt phải chịu sức ép rất lớn về giá cả và chất lượng khi cạnh tranh với các doanh nghiệp quốc tế. Bên cạnh đó, các doanh nghiệp trong nước chưa chủ động nắm bắt thông tin về tiến trình hội nhập, chưa tìm hiểu lợi ích các hiệp định mang lại dẫn đến bị động, không cập nhật các phương thức sản xuất, kỹ thuật tiên tiến.

Trong giai đoạn vừa qua, xuất khẩu của Việt Nam chưa phát triển bền vững, thị trường xuất khẩu tuy được mở rộng, kim ngạch xuất khẩu lớn nhưng nhiều sản phẩm phải phụ thuộc vào một số thị trường nhất định. Ví dụ như dệt may chủ yếu phụ thuộc thị trường Hoa kỳ, các loại nông sản phụ thuộc thị trường Trung Quốc... Điều này sẽ mang lại rủi ro lớn khi các thị trường xảy ra biến động. Trong đại dịch covid vừa qua, một số nước đã đóng cửa biên giới khiến cho việc xuất khẩu của nước ta bị trì trệ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế. Chính sách đẩy mạnh xuất khẩu mới chỉ chú trọng đến bề rộng, chưa

chú trọng đến nâng cao khả năng cạnh tranh và thương hiệu sản phẩm, những ngành mang lại giá trị gia tăng lớn. Vẫn còn hạn chế trong việc đa dạng hóa các sản phẩm xuất khẩu và chuyển dịch lên trên chuỗi giá trị toàn cầu, chưa thực sự quan tâm đến bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quyền lợi của người dùng.

Những hạn chế trên đã góp phần: Gia tăng khoảng cách trình độ phát triển giữa các vùng miền, sự phân hóa giàu- nghèo ngày càng sâu sắc, một số bộ phận người dân bị thiệt , không được hưởng lợi từ hội nhập. Bên cạnh đó, nhiều nguồn tài nguyên thiên nhiên đang dần bị cạn kiệt, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu ngày càng trầm trọng.

CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP NÂNG CAO KẾT QUẢ HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ

3.1. Giải pháp nâng cao hiệu quả hội nhập KTQT

Với sự bùng nổ và phát triển mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học công nghệ toàn cầu, hội nhập kinh tế quốc tế trở thành cơ hội cũng như thách thức để Việt Nam có thể phát huy thế mạnh của đất nước trên mọi lĩnh vực. Vì vậy, Việt Nam cần đưa ra nhiều giải pháp để tận dụng mọi ưu điểm của hội nhập và khắc phục hạn chế do hội nhập mang lại.

Thứ nhất, cần nhận thức thời cơ và thách thức do hội nhập KTQT mang lại. Hội nhập không phải chỉ là vấn đề của riêng quốc gia, hội nhập là sự nghiệp của toàn dân, của doanh nghiệp và cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước. Mọi chủ trương, chính sách phải phát huy tính tích cực, chủ động và khả năng đổi mới, sáng tạo của tất cả các tổ chức, cá nhân, khai thác hiệu quả tiềm năng của toàn xã hội, của các tầng lớp nhân dân vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, bao gồm cả cộng đồng người Việt Nam đang sinh sống và làm việc ở nước ngoài.

Thứ hai, hội nhập KTQT là chủ yếu, trọng tâm, hội nhập trong cách lĩnh vực khác phải tạo thuận lợi cho hội nhập kinh tế và phục vụ nhiệm vụ của lĩnh vực mình.

Thứ ba, cùng với đẩy mạnh các hoạt động thương mại, đầu tư, Việt Nam cần nâng cao năng lực phòng chống, giải quyết, xử lý các tranh chấp, khiếu nại, khiếu kiện về thương mại, đầu tư quốc tế. Trong đó cần chú trọng đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ luật sư, cán bộ pháp lý để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người dân và doanh nghiệp.

Thứ tư, xây dựng chiến lược và lộ trình kinh tế phù hợp. Việt Nam cần đánh giá đúng bối cảnh quốc tế hiện nay, hiểu được vị trí của đất nước đang ở đâu để xác định khả năng tham gia hội nhập kinh tế quốc tế. Nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm của các nước để rút ngắn khoảng cách phát triển và tránh mắc vào sai lầm của các nước đi trước. Xây dựng các chiến lược, mục tiêu phù hợp với nền kinh tế đất nước, tránh việc đưa ra những giải pháp mà không phù hợp với nền kinh tế và cần xác định rõ lộ trình hội nhập một cách hợp lý.

Thứ năm, tích cực, chủ động tham gia vào các liên kết kinh tế quốc tế và thực hiện đầy đủ các cam kết của Việt Nam trong các liên kết kinh tế quốc tế và khu vực.

Thứ sáu, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế. Trong cuộc cạnh tranh này, Nhà nước đã đưa ra cuộc vận động “ Người Việt Nam tiêu dùng hàng Việt Nam”. Nhà nước cần tích cực tham gia đầu tư và triển khai các dự án xây dựng nguồn nhân lực, trao đổi kinh nghiệm, nâng cao trình độ quản lý của các cán bộ về hội nhập KTQT. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng sản xuất giao thông, dịch vụ tạo điều kiện để thu hút vốn, giúp doanh nghiệp phát triển.

Sau khi hàng loạt Hiệp định thương mại tự do được ký kết, sự xuất hiện của nhiều hàng hóa và doanh nghiệp nước ngoài đã gây sức ép lên hàng hóa và doanh nghiệp nội địa. Trước sức ép đó, các doanh nghiệp Việt cần chủ động, tích cực học tập những tri thức, khoa học công nghệ tiên tiến ở nước ngoài, chọn

lọc những công nghệ phù hợp với bối cảnh của đất nước để nâng cao cạnh tranh, nâng cao tay nghề sản xuất và tránh bị lạc hậu. Các doanh nghiệp cũng cần chủ động nắm bắt thông tin về các Hiệp định FTA để đưa ra chính sách phát triển phù hợp.

Thứ bảy, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ. Trong thời đại hiện nay, cần xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, không bị phụ thuộc vào nước ngoài. Việt Nam cần đa dạng hóa thị trường xuất khẩu, tìm kiếm và mở rộng nhiều thị trường hơn. Có như vậy trước những biến đổi khó lường của hội nhập, nền kinh tế Việt Nam mới phát triển bền vững. Cần tiếp tục nghiên cứu, đàm phán, ký kết và chuẩn bị điều kiện thực hiện các FTA ở mức độ cao hơn. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng cần đưa ra nhiều giải pháp phù hợp để kịp thời giải ngân nguồn vốn, tránh chậm trễ dự án và gây ra nợ xấu.

Thứ tám, đẩy mạnh công tác nghiên cứu, dự báo những biến động khó lường do hội nhập KTQT mang lại. Từ đó lên các phương án đối phó, tránh bị động khi xảy ra bất lợi. Ngoài ra cần tạo điều kiện thuận lợi về cơ sở hạ tầng, giao thông, hệ thống pháp lý,... để phát triển và nâng cao vai trò của địa phương và doanh nghiệp.

3.2. Giải pháp để Việt Nam hòa nhập mà không hòa tan vào kinh tế thế giới

Đến nay, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với nhiều nước và là thành viên của nhiều tổ chức kinh tế uy tín trong khu vực và trên thế giới. Trong thời kỳ hội nhập đã xuất hiện khái niệm “hòa nhập nhưng không hòa tan”. Bất kì tổ chức kinh tế nào trên thế giới đều có quy định buộc các nước thành viên phải tuân theo. Để hòa nhập, Việt Nam cần chấp hành các quy định đó để trở thành thành viên chính thức, học hỏi, tận dụng mọi lợi thế khi tham gia các tổ chức đó. Nhưng trong bối cảnh ngày nay, để hòa nhập mà không hòa tan, Việt Nam cần giữ nguyên và phát triển những giá trị riêng biệt, phù hợp với nền kinh tế của đất nước. Hội nhập kinh tế quốc tế là quá trình vừa hợp tác vừa đấu tranh, phải kiên

định với lợi ích của quốc gia, của dân tộc. Việt Nam cần giữ vị trí trung lập, không tham gia vào các liên minh của bên này đối đầu bên kia.

Để không hòa tan, Việt Nam cần xây dựng thêm nhiều thương hiệu uy tín mang bản sắc riêng của quốc gia, tạo chỗ đứng riêng cho Việt Nam trên thị trường quốc tế. Hiện nay có một số doanh nghiệp đã tạo được các thương hiệu như Vinfast, Vinamilk, Vietel,... Các thương hiệu này đã góp phần không nhỏ vào sự phát triển kinh tế xã hội, giúp cho cái tên Việt Nam vươn xa hơn trên thị trường quốc tế. Đây cũng chính là cách để nền kinh tế Việt Nam hòa nhập nhưng không hòa tan vào nền kinh tế thế giới. Nhưng cạnh đó, xuất hiện tình trạng một số thương hiệu của Việt Nam bị đánh cắp bản quyền ở nước ngoài. Yêu cầu bức thiết bây giờ là đưa ra giải pháp để bảo vệ bản quyền của các thương hiệu, tránh bị đánh cắp, gây mất uy tín cho các thương hiệu Việt.

3.3. Quan điểm cá nhân

Trong tiến trình hội nhập KTQT, thế hệ trẻ Việt Nam đóng vai trò rất quan trọng trong việc phát triển kinh tế xã hội đất nước. Là thế hệ nhanh nhẹn, năng động và sáng tạo, mỗi thanh niên cần có đủ bản lĩnh, biết tận dụng thời cơ do hội nhập mang lại và khắc phục hạn chế, khó khăn trong hội nhập. Trong bối cảnh hội nhập KTQT, họ cần phát huy tinh thần tự học, học hỏi những khoa học công nghệ hiện đại ở nước ngoài để áp dụng vào nền kinh tế trong nước. Bên cạnh đó, thế hệ trẻ cũng cần nâng cao trình độ lý luận chính trị, giữ lập trường tư tưởng vững vàng, có lòng yêu nước, niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sự nghiệp xây dựng đất nước, có đạo đức trong sáng và lối sống lành mạnh, tránh sự quấy phá của các thế lực thù địch.

KẾT LUẬN

Hội nhập KTQT đã mang lại cho Việt Nam rất nhiều lợi ích. Hội nhập giúp nền kinh tế năng động hơn, mở ra nhiều cơ hội để phát triển đất nước và giải quyết các vấn đề tồn đọng. Song song với những cơ hội, hội nhập KTQT còn mang đến nhiều thách thức, tác động tiêu cực và những diễn biến khó lường cho Việt Nam. Hội nhập khiến nền kinh tế Việt Nam bộc lộ nhiều thiếu sót, chậm trễ trong việc giải quân, thu hút vốn đầu tư hay nhiều chính sách chưa phù hợp. Hội nhập còn cho thấy các doanh nghiệp và nhiều bộ phận chưa đủ sẵn sàng, quyết tâm tham gia hội nhập, chưa chủ động còn ỷ lại vào Đảng và các cơ quan chức năng. Khái niệm “ hòa nhập nhưng không hòa tan” xuất hiện trong tiến trình hội nhập, đưa ra cho Việt Nam thách thức làm thế nào để nền kinh tế Việt Nam có thể hòa nhập nhưng không hòa tan vào nền kinh tế thế giới. Đảng, Nhà nước và các cơ quan bộ ngành cần xác định đúng trọng tâm, mục tiêu của quá trình hội nhập, đưa ra những chủ trương, chính sách, hệ thống luật pháp phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế đất nước. Khi tham gia các tổ chức quốc tế, Việt Nam cần tích cực, đưa ra nhiều sáng kiến, tuân thủ các quy luật chung nhưng phải giữ những giá trị riêng biệt của Việt Nam...Chủ động tạo ra nhiều thương hiệu uy tín trên thị trường quốc tế, góp phần mang tên tuổi Việt Nam vươn xa hơn. Chỉ có những giá trị riêng biệt mới giúp nền kinh tế Việt Nam không bị mờ nhạt, hòa tan vào nền kinh tế thế giới. Các doanh nghiệp cũng cần đổi mới sáng tạo, nâng cao trình độ cho người lao động; chủ động hội nhập, nắm bắt thông tin; học hỏi có chọn lọc khoa học công nghệ nước ngoài để áp dụng vào nền kinh tế trong nước...Như vậy, để Việt Nam giữ thế chủ động trong hội nhập KTQT, để nền kinh tế Việt Nam có thể hòa nhập mà không hòa tan vào nền kinh tế thế giới, cần sự quyết tâm, đồng lòng của Đảng, Nhà nước, cả hệ thống chính trị, tất cả người dân và các doanh nghiệp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Dấu mốc lịch sử trên đại lộ "hội nhập" (2021)* , Bộ công thương Việt Nam, Hà Nội.
2. *GT kinh tế chính trị Mác- Leenin (dành cho bậc đại học- không chuyên lý luận chính trị) (2019)* , Bộ giáo dục và đào tạo, Hà Nội.
3. *Phạm Thanh Hà, “Hội nhập quốc tế của Việt Nam- Quá trình phát triển nhận thức, thành tựu trong thực tiễn và một số vấn đề đặt ra”, Tỉnh đoàn Quảng Ngãi, Quảng Ngãi.*
4. *“Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong bối cảnh cục diện kinh tế thế giới mới” (2017), Viện hàn lâm khoa học xã hội Việt Nam.*
5. *Kiều Linh (2020), “101 nghìn doanh nghiệp ngừng kinh doanh năm 2020”, Tạp chí điện tử VnEconomic.*
6. *Nguyễn Thị Thúy Ngọc (2019), “Hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam trong bối....”,Tạp chí tài chính, kỳ 1 tháng 9/2019, Hưng Yên.*
7. *Phạm Minh Sơn (2012), “Hội nhập quốc tế- những thời cơ, thách thức, yêu cầu đối với hoạt động đối ngoại của Việt Nam”, Biên phòng Việt Nam.*